

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **188/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 19/4/2021.
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Khắc Chung;
2. Ông Đỗ Sơn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 159/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phan Thị T**, sinh năm 1967. Địa chỉ cư trú: tổ 8, ấp Hưng Lợi, xã Đ, huyện P, tỉnh An Giang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Văn G**, sinh năm 1977. Địa chỉ cư trú: tổ 4, ấp Bình Tây, xã B, huyện P, tỉnh An Giang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày:*

Bà và ông Huỳnh Văn G tự nguyện quen nhau rồi tiến tới hôn nhân và tổ chức đám cưới, chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu sau khi cưới nhau, ông bà chung sống rất hạnh phúc và có với nhau 02 người con là anh Huỳnh Văn Có Em, sinh năm 1997 và anh Huỳnh Thanh Hoà, sinh năm 2000. Chung sống với nhau được 12 năm thì ông bà phát sinh mâu thuẫn và quyết định sống ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông G.

Về con chung: Hiện hai con đang sống với bà và đã thành niên, có khả năng lao động được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Huỳnh Văn G trình bày, ông thống nhất với bà T là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn, sống với nhau được 12 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó đến nay. Nay, ông đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung: Ông thống nhất có 02 con chung là Huỳnh Văn Có Em và Huỳnh Thanh Hoà. Hiện các con đã thành niên và có khả năng lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Ông thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân giữa bà T với ông G thì được biết ông bà không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ và Ủy ban nhân dân xã B nơi ông, bà cư trú.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải nhưng do ông, bà không có đăng ký kết hôn nên không tiến hành hòa giải về hôn nhân, chỉ ghi nhận ý kiến về tình cảm và các vấn đề khác trong vụ án ly hôn.

* *Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến và thủ tục tố tụng trong vụ án cũng như nêu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Bà T và ông G tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà T và ông G là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Phan Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Huỳnh Văn G, địa chỉ cư trú tại ấp Bình Tây, xã B, huyện P, tỉnh An Giang nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*tranh chấp ly hôn*" và Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bà T và ông G vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Phan Thị T và ông Huỳnh Văn G tự nguyện quen nhau rồi đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực

hiện thủ tục đăng ký kết hôn là không đúng với quy định tại khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa ông bà không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch 01/2016/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông G.

[2.2] Về con chung:

Bà T và ông G thống nhất có hai con chung tên Huỳnh Văn Có Em, sinh năm 1997 và Huỳnh Thanh Hoà, sinh năm 2000. Hiện hai con đang sống chung với bà T, đã thành niên và có khả năng lao động được, bà T và ông G cũng không có yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông G thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 3, Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch 01/2016/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị T và ông Huỳnh Văn G.

- Về con chung: Bà T và ông G thống nhất có hai con chung tên Huỳnh Văn Có Em, sinh năm 1997 và Huỳnh Thanh Hoà, sinh năm 2000. Hiện các con đã thành niên và có khả năng lao động được nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0008834 ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P nên bà T đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị T, ông Huỳnh Văn G có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND tỉnh AG;
- Viện kiểm sát ND H. P;
- Chi cục THA DS H. P;
- Đường sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Dương Thùy Dung